TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2024
V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiệt

Bà Trần Thị Tuyết Nga

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Nguyễn Quang H có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 03, ngày 09/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, chị T phải lo lắng quán xuyến hết tất cả công việc trong gia đình nhưng anh H cũng không chia sẻ với chị, vợ chồng chị ở chung với gia đình chồng nhưng gia đình anh H luôn làm khó dễ chị nhưng anh H không che chở, quan tâm chị nên chị mới trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, chị T đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ lúc ly thân đến nay anh H vẫn không có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 07/8/2000; Nguyễn Quang L1, sinh ngày 07/5/2002, Nguyễn Quang L2, sinh ngày 30/4/2013. Cháu L, cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L2, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:* Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Ánh T về quan hệ hôn nhân. Anh và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2000 theo quy định. Anh H thừa nhận chị T cũng có mâu thuẫn với mẹ anh như lời chị T trình bày, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh đã nhiều lần năn nỉ vợ quay lại nhưng chị T vẫn không đồng ý.

Nay theo yêu cầu của chị T thì anh H có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Ánh T vì anh vẫn còn tình cảm với chị T, con còn nhỏ nên anh không muốn gia đình ly tán.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 07/8/2000; Nguyễn Quang L1, sinh ngày 07/5/2002, Nguyễn Quang L2, sinh ngày 30/4/2013. Cháu L, cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L2 đã theo chị T sinh sống bên nhà ngoại từ khi ly thân đến nay. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn nếu cháu L2 muốn sống với mẹ thì anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ánh T trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Quang H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 03, ngày 09/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh H xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng nhưng anh H không quan tâm, chia sẽ mà bỏ mặc chị tự giải quyết mâu thuẫn này, mẹ chồng đã đuổi chị ra khỏi nhà nhưng anh H cũng không ngăn cản. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T. Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ cho các đương sự đồng thời cũng cho các bên có thời gian hàn gắn hôn nhân nhưng đến nay chị T xác định chị không còn tình cảm và vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh H. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 07/8/2000; Nguyễn Quang L1, sinh ngày 07/5/2002, Nguyễn Quang L2, sinh ngày 30/4/2013. Cháu L, cháu L1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét cháu L2 đã được chị T chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm anh chị ly thân đến nay. Tại Biên bản làm việc ngày 11/4/2024 cháu L2 có nguyện vọng được sống chung với chị T, anh H cũng đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu L2 cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trần Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang L2, sinh ngày 30/4/2013 cho chị Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Nguyễn Quang H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ánh T và anh Nguyễn Quang H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị chị Trần Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000842 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Hồ,tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka